

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 114/2024/DS-PT

Ngày 28/6/2024

V/v tranh chấp thừa kế về tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thắm

*Các Thẩm phán:* Ông Thái Văn Hà

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Duy Phương là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tú Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp thừa kế về tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn P, sinh năm: 1952; Cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, Bình Định (có mặt).

*Bị đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm: 1960; Cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, Bình Định (có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn H, sinh năm 1967 (có mặt).
- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1954 (có đơn xin vắng mặt).
- Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt).
- Anh Nguyễn Kim T1, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt).
- Anh Nguyễn Kim T2, sinh năm 1984 (có mặt).

6. Anh Nguyễn Văn S, chị Văn Thị Bé D (vắng mặt).

7. Bà Đinh Thị M, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, Bình Định.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn P và bị đơn ông Nguyễn T.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn ông Nguyễn P trình bày:*

Ông là con của cụ Nguyễn H1 (chết) và cụ Hồ Thị T3 (chết ngày 24/5/2015). Cụ H1 và cụ T3 04 người con gồm: Nguyễn S1, Nguyễn P, Nguyễn T và Nguyễn Hữu. Ông Nguyễn S1 đã chết năm 2019 có vợ tên Phạm Thị N và 03 người con là: Chị Nguyễn Thị X, anh Nguyễn Kim T1 và anh Nguyễn Kim T2. Hai cụ không có con riêng. Di sản cụ T3 để lại là thửa đất số 104, tờ bản đồ số 50, diện tích 867,2m<sup>2</sup> (250m<sup>2</sup> đất ở và 617,2m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác) tại xóm A, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định và ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 46m<sup>2</sup> (xây dựng năm 2010) đã được UBND huyện T cấp quyền sử dụng đất cho bà Hồ Thị T3 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất. Ngoài ngôi nhà của cụ T3 thì trên đất hiện nay có ngôi nhà cấp 4 của ông Nguyễn H có diện tích 60,75m<sup>2</sup> và ngôi nhà tạm của ông dựng trước sân nhà ông H có diện tích khoảng 34m<sup>2</sup>. Cụ T3 chết không để lại di chúc nên ông yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ T3 theo pháp luật. Ông đồng ý tháo dỡ nhà tạm hiện ông đang ở để trả lại sân cho ông H.

*Bị đơn ông Nguyễn T trình bày:*

Ông thống nhất lời khai của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, di sản của cụ T3 để lại. Ông yêu cầu được chia đều kỹ phần thừa kế cho 04 người con là Nguyễn S1, Nguyễn P, Nguyễn T và Nguyễn Hữu.

Riêng ngôi nhà trên đất của cụ T3 để lại hiện nay con ông là anh Nguyễn Văn S đang quản lý, sử dụng. Ông xin được nhận ngôi nhà của cụ T3. Nếu không chia cho ông được quyền sử dụng ngôi nhà của cụ T3 để lại thì ông yêu cầu các ông Nguyễn P, Nguyễn H và những người thừa kế của ông Nguyễn S1 phải trả lại ngày công lao động bị mất do chăm sóc mẹ là cụ Hồ Thị T3 từ ngày 27/3/2014 đến khi chết là ngày 24/5/2015 là 120.000đ/ngày.

Ngoài ra ông còn có yêu cầu các ông P, H và những người hưởng phần thừa kế của ông S1 có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 20.000.000đ về khoản ông đã chi phí xây mộ cho mẹ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H trình bày:*

Ông thống nhất lời khai của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, di sản của cụ T3 để lại. Ông đồng ý chia thừa kế di sản của cụ T3, ông yêu cầu được nhận hiện

vật. Riêng ngôi nhà tôn của ông **P** xây dựng ở tạm trước sân nhà ông thì ông yêu cầu ông **P** tháo dỡ để trả lại sân cho ông.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Phạm Thị N**, đại diện theo ủy quyền là anh **Nguyễn Kim T2** trình bày:*

Thống nhất như lời khai và yêu cầu của nguyên đơn là ông **Nguyễn P**, yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản của cụ **Hồ Thị T3** theo quy định pháp luật. Những người được hưởng thừa kế thế vị của ông **Nguyễn S1** thì anh là người đại diện nhận.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thị X** và anh **Nguyễn Kim T1** trình bày:*

Thống nhất như lời khai và yêu cầu của nguyên đơn ông **Nguyễn P**, yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản của cụ **Hồ Thị T3** theo quy định pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đinh Thị M** trình bày:*

Đồng ý với lời trình bày và yêu cầu của ông **Nguyễn T**.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh chị **Nguyễn Văn S – Văn Thị Bé D** trình bày:*

Anh chị là con và dâu của ông **Nguyễn T**. Anh chị thống nhất với lời khai và yêu cầu của ông **Nguyễn T**. Trong quá trình ở trong ngôi nhà của cụ **T3** để lại trên thửa đất số 104, tờ bản đồ số 50 thì vợ chồng anh chị có xây dựng vật kiến trúc khác, hiện vợ chồng anh chị đang quản lý sử dụng. Anh chị yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã quyết định:*

1. Ông **Nguyễn P** được quyền dựng diện tích đất 100m<sup>2</sup> trong thửa đất số 104, tờ bản đồ số 50 tọa lạc tại **thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định**; giới cận: Chiều dài phía Đông 13,3m giáp đất của ông **Nguyễn H** được chia; phía Tây giáp đất ông **Nguyễn T** được chia; chiều dài phía Nam 6,9m+0,8m, giáp đường đi; chiều dài phía Bắc 7,6m giáp đất ông **Nguyễn H** được chia. Đất giá trị 15.000.000đ (150.000đ/m<sup>2</sup>). Ông **P** có nghĩa vụ tháo dỡ ngôi nhà lợp tôn (N16), diện tích 34m<sup>2</sup> hiện ông đang ở để trả đất cho ông **Nguyễn H** sử dụng. Đất của ông **P** được chia có ký hiệu số 3 trong sơ đồ thửa đất (có kèm theo sơ đồ thửa đất).

2. Ông **Nguyễn T** được quyền sở hữu, sử dụng: Ngôi nhà cấp 4, diện tích 46,35m<sup>2</sup>, có giá trị 34.552.017đồng và diện tích đất 375m<sup>2</sup> (75m<sup>2</sup> đất ở có giá trị 11.250.000đồng; 300m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm có giá trị 19.500.000đồng) trong thửa đất số 104, tờ bản đồ số 50 tọa lạc tại **thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định**; giới cận: Chiều dài phía Đông 44.4m giáp đất của các ông **P** và **H** được chia; chiều dài phía Tây 44.7m giáp khu đất đã chuyển nhượng; chiều dài phía Nam 8.6m, giáp đường đi; chiều dài phía Bắc 8,5m giáp đất thửa thửa đất 60. Tổng cộng giá trị

nhà và đất 65.302.017đồng. Nhà và đất này ông **T** và vợ chồng anh chị **Nguyễn Văn S – Văn Thị Bé D** cùng quản lý. Việc vợ chồng anh chị **S – D** xây dựng vật kiến trúc khác trên phần đất ông **T** được chia thì ông **T** và vợ chồng anh chị **S – D** tự giải quyết, nếu giải quyết không được thì Tòa án giải quyết khi có yêu cầu khởi kiện. Ông **T** cùng vợ chồng anh chị **S – D** có nghĩa vụ tháo dỡ vật kiến trúc trên diện tích đất của ông **P** và ông **H** được chia. Đất của ông **T** được chia có ký hiệu số 1 trong sơ đồ thửa đất (có kèm theo sơ đồ thửa đất).

3. Ông **Nguyễn H** được quyền sử dụng diện tích 392.2m<sup>2</sup> (75m<sup>2</sup> đất ở có giá trị 11.250.000đồng; 317,2m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm có giá trị 20.618.000đồng) trong thửa đất số 104, tờ bản đồ số 50 tại **thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định**; giới cận: Chiều dài phía Đông 29.1m, giáp thửa đất 317; phía Tây giáp đất ông **Nguyễn T** và ông **Nguyễn P**; chiều dài phía Nam giáp đất ông **P** và đường đi; chiều dài phía Bắc 5,5m + 6,6m giáp thửa đất 62. Tổng công giá đất 31.868.000đồng. Trên đất, ông **H** đã xây dựng nhà có diện tích 60,75m<sup>2</sup>. Đất của ông **H** được chia có ký hiệu số 2 trong sơ đồ thửa đất (có kèm theo sơ đồ thửa đất).

4. Chị **Nguyễn Thị X**, anh **Nguyễn Kim T1** và anh **Nguyễn Kim T2** được nhận phần chia với tiền 28.042.504đồng (Hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm lẻ bốn đồng). Anh **T2** đại diện nhận số tiền này và chia đều cho những người được hưởng, nếu giải quyết không được thì Tòa án giải quyết khi có yêu cầu khởi kiện.

5. Về nghĩa vụ giao tiền chênh lệch:

5.1. Ông **T** nhận phần chia với số tiền 28.042.504đồng (Hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm lẻ bốn đồng) nhưng tài sản ông nhận có giá trị 65.302.017đồng. Do đó ông **T** có nghĩa vụ giao chị **Nguyễn Thị X**, anh **Nguyễn Kim T1** và anh **Nguyễn Kim T2** với số tiền 28.042.504 (Hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm lẻ bốn) đồng, (anh **T2** đại diện nhận) và giao cho ông **Nguyễn P** với số tiền 9.217.000 (Chín triệu hai trăm mười bảy ngàn) đồng.

5.2. Ông **H** nhận phần chia với số tiền 28.042.504đồng nhưng tài sản ông nhận có giá trị 31.868.000 (Ba mươi một triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn) đồng. Do đó ông **H** có nghĩa vụ giao cho ông **Nguyễn P** với số tiền 3.825.495 (Ba triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn bốn trăm chín mươi lăm) đồng.

5.3. Ông **Nguyễn Phú n** nhận phần chia với số tiền 28.042.504 (Hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm lẻ bốn) đồng nhưng tài sản ông nhận có giá trị 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng. Do đó ông **P** được nhận thêm 13.042.504 (Mười ba triệu không trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm lẻ bốn) đồng, trong đó: ông **Nguyễn T** giao số tiền 9.217.009 (Chín triệu hai trăm mười bảy ngàn không trăm lẻ chín) đồng và ông **H** giao số tiền 3.825.495 (Ba triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn bốn trăm chín mươi lăm) đồng.

6. Không chấp nhận việc ông Nguyễn T yêu cầu ông Nguyễn P, ông Nguyễn H và những người thừa kế thế vị của ông Nguyễn S1 (đã chết) phải trả cho ông giá trị ngày công lao động bị mất do chăm sóc cụ Hồ Thị T3 từ ngày 27/3/2014 đến khi chết là ngày 24/5/2015, 120.000đ/ngày và 20.000.000đ về khoản ông đã chi phí xây mộ cho cụ T3, vì không có chứng cứ chứng minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 10 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn ông Nguyễn P kháng cáo không đồng ý một phần bản án sơ thẩm đã tuyên, ông yêu cầu được hưởng di sản của bà Hồ Thị T3 để lại là 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích 46,35m<sup>2</sup> cùng với đất trồng cây hàng năm khác được ký hiệu số 1 theo sơ đồ thửa đất kèm theo bản án sơ thẩm, ông sẽ thôi lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Ngày 16 tháng 3 năm 2024, bị đơn ông Nguyễn T kháng cáo bản án sơ thẩm, không đồng ý chia thừa kế di sản của cụ T3 đồng thời yêu cầu xem xét công sức đóng góp của ông và bà Đinh Thị M trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng bà Hồ Thị T3.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện nhưng có thay đổi nội dung kháng cáo là xin nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật ở bất kỳ vị trí nào trong thửa đất của cụ T3 để lại, không yêu cầu nhận ngôi nhà của cụ T3 để lại như nội dung đơn kháng cáo ban đầu; bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N, chị Nguyễn Thị X, anh Nguyễn Kim T1 có yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng vợ chồng anh chị Nguyễn Văn S, chị Văn Thị Bé D, bà Đinh Thị M vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn P và bị đơn ông Nguyễn T, thấy rằng:

[2.1] Các bên đương sự khai thông nhất di sản của cụ Nguyễn H1 và cụ Hồ Thị T3 để lại thừa đất số 104, tờ bản đồ số 50, diện tích 867,2m<sup>2</sup>, diện tích đo đạc thực tế là 888,4m<sup>2</sup> (trong đó diện tích đường đi là 27,1m<sup>2</sup>, đất ở là 250m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác là 611,3m<sup>2</sup>) tọa lạc xóm A, T, T, T, Bình Định đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho cụ Hồ Thị T3 tại Giấy chứng nhận số CH02148 ngày 05/12/2014. Diện tích thực tế thừa đất lớn hơn diện tích cấp quyền là 21,2m<sup>2</sup> là do sai số đo đạc. Cụ H1 và cụ T3 chết không để lại di chúc nên ông Nguyễn P yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ T3 để lại là phù hợp theo quy định tại Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, ông Nguyễn T kháng cáo không đồng ý chia thừa kế di sản của cụ T3 để lại là không có cơ sở.

[2.2] Đối với việc ông T kháng cáo yêu cầu xem xét công sức đóng góp của ông và bà Đinh Thị M trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Hồ Thị T3, Hội đồng xét xử xét thấy ông T là con của cụ T3 nên phải có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cụ thiết khi ốm đau, già yếu. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông T là có cơ sở và phù hợp với đạo đức con người.

[2.3] Đối với nội dung ông P kháng cáo xin được nhận kỷ phần thừa kế mà ông được hưởng là hiện vật. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã chia giao cho ông Phú kỷ p thừa kế ông được hưởng là hiện vật nhưng xét thấy diện tích đất chia cho ông P, ông T, ông H có sự chênh lệch quá nhiều. Mặc khác, Tòa án cấp sơ thẩm chia kỷ phần thừa kế ông P được hưởng là diện tích đất nằm trước mặt ngôi nhà của ông Nguyễn H nên ông H không có lối đi ra đường công cộng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự và đảm bảo các bên nhận hiện vật đều có lối đi ra đường, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn P, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn T, chia di sản thừa kế của cụ T3 là thừa đất số 104, tờ bản đồ số 50, diện tích đo đạc thực tế sau khi trừ đường đi còn lại là 861,3m<sup>2</sup> (trong đó 250m<sup>2</sup> đất ở, 611,3m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc xóm A, T, T, T, Bình Định như sau:

[3.1] Theo biên bản định giá ngày 12/5/2020 và ngày 06/4/2021 thì giá trị di sản của cụ T3 để lại là: Ngôi nhà cấp 4, diện tích 46.35m<sup>2</sup> có giá trị còn lại 34.552.017đồng; đất ở: 150.000đ/m<sup>2</sup> x 250m<sup>2</sup> = 37.500.000đồng; đất trồng cây hàng năm: 65.000đ/m<sup>2</sup> x 611,3m<sup>2</sup> = 39.734.500đồng. Tổng cộng giá trị tài sản là: 111.786.517đồng.

[3.2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ **T3** gồm: Ông **S1**, ông **P**, ông **T** và ông **H**. Cụ **T3** chết năm 2015, ông **S1** chết năm 2019. Theo quy định tại Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì những người thừa kế thế vị của ông **S1** là chị **Nguyễn Thị X**, anh **Nguyễn Kim T1** và anh **Nguyễn Kim T2**.

[3.3] Phân chia di sản theo giá trị: Ông **S1**, ông **P**, ông **T** và ông **H** mỗi người được nhận là: 27.946.629đồng (111.786.517đồng : 04 ). Ông **S1** chết nên các con của ông **S1** yêu cầu nhận giá trị nên Tòa án chia kỹ phần thừa kế cho ông **S1** bằng giá trị là phù hợp. Ông **P**, ông **T**, ông **H** chia hiện vật, cụ thể như sau:

- Hiện trên thừa đất có ngôi nhà cấp 4 của cụ **T3** xây dựng hiện vợ chồng anh **S** và chị **B** là con và dâu của ông **T** đang sử dụng nên chia giao cho Ông **Nguyễn Thọ t** quyền sử dụng diện tích 420,3m<sup>2</sup> (84m<sup>2</sup> đất ở và 336,3m<sup>2</sup> đất vườn) thuộc thửa đất 104, tờ bản đồ số 50 tọa lạc **xóm A, T, T, T, Bình Định** và ngôi nhà cấp 4 của cụ **T3** xây dựng có trên đất, có tổng giá trị là 69.011.517đồng, có giới cận: Đông Giáp phần đất chia cho ông **Nguyễn P**; Tây giáp thửa số 305; Nam giáp đường đi đất; Bắc giáp thửa đất 60 (phần A sơ đồ kèm theo). Các công trình phụ do vợ chồng anh **S** chị **B** xây dựng trên phần đất chia cho ông **T** thì vợ chồng anh **S** chị **D** với ông **T** tự giải quyết với nhau.

- Chia giao cho Ông **Nguyễn Phú t1** quyền sử dụng diện tích 204,5m<sup>2</sup> (83m<sup>2</sup> đất ở và 121,5m<sup>2</sup> đất vườn) thuộc thửa đất 104, tờ bản đồ số 50 tọa lạc **xóm A, T, T, T, Bình Định**, có tổng giá trị là 20.347.500đồng, có giới cận: Đông Giáp phần đất chia cho ông **Nguyễn H**; Tây phần đất chia cho ông **Nguyễn T**; Nam giáp đường đi đất; Bắc giáp thửa đất số 60 và 62 (phần B sơ đồ kèm theo). Buộc anh **Nguyễn Văn S** và chị **Văn Thị Bé D** phải tháo dỡ 01 chuồng gà hiện có trên phần đất và một phần chuồng heo nằm trên phần đất chia cho ông **P** để trả lại đất trống cho ông **P**.

- Chia giao cho Ông **Nguyễn Hữu t2** quyền sử dụng diện tích 236,5m<sup>2</sup> (83m<sup>2</sup> đất ở và 153,5m<sup>2</sup> đất vườn) thuộc thửa đất 104, tờ bản đồ số 50 tọa lạc **xóm A, T, T, T, Bình Định** và ngôi nhà của ông **H** xây dựng trên đất, có tổng giá trị đất là 22.427.000đồng, có giới cận: Đông giáp thửa đất số 317; Tây giáp phần đất chia cho ông **Nguyễn P**; Nam giáp đường đi đất; Bắc giáp thửa đất số 62 (phần C sơ đồ kèm theo).

[3.4] Buộc ông **Nguyễn P** phải tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà lợp tôn hiện ông đang ở để trả lại đất chia cho ông **H**.

[3.5] Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Văn Thị Bé D phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 có trên phần đất chia giao cho ông P để trả lại đất trống cho ông P.

[3.6] Buộc ông Nguyễn T phải thối lại giá trị kỷ phần thừa kế cho những người sau: Các con của ông Nguyễn S1 là chị Nguyễn Thị Ánh X1, anh Nguyễn Kim T1 và anh Nguyễn Kim T2 là 27.946.629 đồng. Anh Nguyễn Kim T2 là người đại diện nhận; Ông Nguyễn P là 7.599.129 đồng; Ông Nguyễn H là 5.519.130 đồng.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông Nguyễn P và ông Nguyễn T được miễn; ông Nguyễn H phải chịu 1.397.331 đồng; chị X1, anh T1 và anh T2 liên đới chịu 1.397.331 đồng.

Ông P được hoàn trả lại số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009387 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì ông Nguyễn P và ông Nguyễn T được miễn.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm là 12.500.000 đồng, ông Nguyễn P, ông Nguyễn T, ông Nguyễn H mỗi người phải chịu 3.125.000 đồng. Chị X1, anh t3 và anh T2 liên đới chịu 3.125.000 đồng. Ông P đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, định giá tài sản nên ông T, ông H mỗi người trả lại cho ông P 3.125.000 đồng anh T1, chị X1 và anh T2 có nghĩa vụ trả cho ông P 3.125.000 đồng.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**



*Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ các Điều 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự 2015;*

*Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.*

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn P, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn T.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện tây S2, tỉnh Bình Định.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn P.

4. Chia giao cho Ông Nguyễn Thọ t quyền sử dụng diện tích 420,3m<sup>2</sup> (84m<sup>2</sup> đất ở và 336,3m<sup>2</sup> đất vườn) thuộc thửa đất 104, tờ bản đồ số 50 tọa lạc xóm A, T, T, T, Bình Định và ngôi nhà cấp 4 của cụ Hồ Thị T3 xây dựng có trên đất, có tổng giá trị là 69.011.517đồng, có giới cận: Đông Giáp phần đất chia cho ông Nguyễn P; Tây giáp thửa số 305; Nam giáp đường đi đất; Bắc giáp thửa đất 60 (phần A sơ đồ kèm theo). Các công trình phụ do vợ chồng anh Nguyễn Văn S, chị Văn Thị Bé D xây dựng trên phần đất chia cho ông T thì vợ chồng anh S, chị D với ông T tự giải quyết với nhau.

5. Chia giao cho Ông Nguyễn Phú t1 quyền sử dụng diện tích 204,5m<sup>2</sup> (83m<sup>2</sup> đất ở và 121,5m<sup>2</sup> đất vườn) thuộc thửa đất 104, tờ bản đồ số 50 tọa lạc xóm A, T, T, T, Bình Định, có tổng giá trị là 20.347.500đồng, có giới cận: Đông Giáp phần đất chia cho ông Nguyễn H; Tây phần đất chia cho ông Nguyễn T; Nam giáp đường đi đất; Bắc giáp thửa đất số 60 và 62 (phần B sơ đồ kèm theo). Buộc anh Nguyễn Văn S và chị Văn Thị Bé D phải tháo dỡ 01 chuồng gà hiện có trên phần đất và một phần chuồng heo nằm trên phần đất chia cho ông P để trả lại đất trống cho ông P.

6. Chia giao cho Ông Nguyễn Hữu t2 quyền sử dụng diện tích 236,5m<sup>2</sup> (83m<sup>2</sup> đất ở và 153,5m<sup>2</sup> đất vườn) thuộc thửa đất 104, tờ bản đồ số 50 tọa lạc xóm A, T, T, T, Bình Định và ngôi nhà của ông H xây dựng trên đất, có tổng giá trị đất là 22.427.000đồng, có giới cận: Đông Giáp thửa đất số 317; Tây giáp phần đất chia cho ông Nguyễn P; Nam giáp đường đi đất; Bắc giáp thửa đất số 62 (phần C sơ đồ kèm theo).

7. Buộc ông Nguyễn P phải tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà lợp tôn hiện ông đang ở để trả lại đất chia cho ông H.

8. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Văn Thị Bé D phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 có trên phần đất chia giao cho ông P để trả lại đất trống cho ông P.

9. Buộc ông Nguyễn T phải thối lại giá trị kỷ phần thừa kế cho những người sau:

9.1. Chị Nguyễn Thị Ánh X1, anh Nguyễn Kim T1 và anh Nguyễn Kim T2 là 27.946.629 đồng. Anh Nguyễn Kim T2 là người đại diện nhận.

9.2. Ông Nguyễn P 7.599.129 đồng;

9.3. Ông Nguyễn H 5.519.130 đồng.

10. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

11. Về án phí và chi phí tố tụng:

11.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn P và ông Nguyễn T được miễn; ông Nguyễn H phải chịu 1.397.331 đồng; chị X1, anh T1 và anh T2 liên đới chịu 1.397.331 đồng.

Ông P được hoàn trả lại số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009387 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

11.2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn P không phải chịu, ông Nguyễn T được miễn.

Hoàn trả cho ông Nguyễn P và ông Nguyễn T mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007706 ngày 16/3/2023 và biên lai thu số 0007714 ngày 27/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

12. Chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản là 12.500.000 đồng, ông Nguyễn P, ông Nguyễn T, ông Nguyễn H mỗi người phải chịu 3.125.000 đồng. Chị X1, anh T1 và anh T2 liên đới chịu 3.125.000 đồng. Ông P đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, định giá tài sản nên ông T, ông H mỗi người trả lại cho ông P 3.125.000 đồng anh T1, chị X1 và anh T2 có nghĩa vụ trả cho ông P 3.125.000 đồng.

13. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

13.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

13.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

14. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Đỗ Thị Thắm**







